



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Linh	Ủy viên
Ông Tạ Hoàng Giang	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Tạ Hoàng Giang	Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

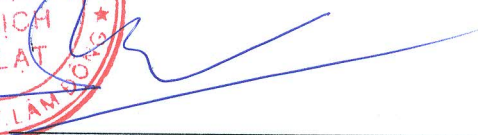
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 




Tạ Hoàng Giang
Giám đốc

Đà Lạt, ngày 15 tháng 12 năm 2016

Số: **MM** /VACO/BCKT.HCM**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 12 năm 2016, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2010, khách sạn Đà Lạt Plaza đã hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty đã ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định với giá tạm tính là 41.723.870.490 đồng, trong đó giá trị hạng mục công trình giao nhà thầu thi công - Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh là 15.424.685.809 đồng (tương ứng với số tiền đã tạm ứng cho nhà thầu) nhưng chưa được nhà thầu quyết toán và xuất hóa đơn. Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận về các khoản công nợ với nhà thầu này nên không đưa ra nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Ngọc Bình

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2016

Nguyễn Ngọc Thạch

Kiểm toán viên

Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán 1822-2014-156-1

35
H N
PHỐ
CỘT
NH
KIỂM
V.
NI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Mẫu B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016	01/10/2015 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.691.322.671	35.341.394.409
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.963.553.970	2.360.321.730
1. Tiền	111	5	1.963.553.970	2.360.321.730
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	44.356.622.222	26.641.373.333
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		44.356.622.222	26.641.373.333
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.338.725.957	5.128.182.473
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.716.520.428	1.917.556.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.482.006.580	1.506.539.496
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.140.198.949	1.704.086.818
IV. Hàng tồn kho	140	10	585.728.664	593.494.836
1. Hàng tồn kho	141		585.728.664	593.494.836
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		446.691.858	618.022.037
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	440.733.565	616.990.997
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	5.958.293	1.031.040
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.678.279.279	87.668.843.390
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	500.000.000	500.000.000
II. Tài sản cố định	220		52.553.477.481	56.747.276.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	47.232.767.682	51.411.164.396
- Nguyên giá	222		89.492.267.376	89.201.750.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.259.499.694)	(37.790.586.206)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	5.320.709.799	5.336.112.303
- Nguyên giá	228		5.404.140.000	5.404.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.430.201)	(68.027.697)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.293.535.190	26.795.710.420
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	27.293.535.190	26.795.710.420
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	-	41.047.964
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	800.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(758.952.036)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.331.266.608	3.584.808.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1.733.827.230	3.027.466.237
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		597.439.378	557.342.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		136.369.601.950	123.010.237.799

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Mẫu B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016	01/10/2015 (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		23.425.950.911	23.357.259.193
I. Nợ ngắn hạn	310		18.770.290.319	19.117.273.193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.413.293.048	1.913.393.884
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44.463.242	12.267.079
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	6.580.792.873	9.316.659.339
4. Phải trả người lao động	314		3.945.605.343	3.957.088.665
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.216.364.970	528.270.329
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.931.819	61.818.181
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.469.488.466	1.957.105.952
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.193.710	6.193.710
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.082.156.848	1.364.476.054
II. Nợ dài hạn	330		4.655.660.592	4.239.986.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	4.655.660.592	4.239.986.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.943.651.039	99.652.978.606
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	112.943.651.039	99.652.978.606
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.132.500.000	59.132.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.132.500.000	59.132.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.785.000.000	4.785.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.564.003.371	30.150.102.048
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.462.147.668	5.585.376.558
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.585.376.558	(1.063.881.249)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.876.771.110	6.649.257.807
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		136.369.601.950	123.010.237.799



Tạ Hoàng Giang
Giám đốc

Đà Lạt, ngày 15 tháng 12 năm 2016

Nguyễn Vĩnh Bảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thắm
Người lập

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

Mẫu B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	66.122.222.850	60.368.069.572
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	77.601.400	75.828.672
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	21	66.044.621.450	60.292.240.900
4. Giá vốn hàng bán	11	22	44.437.405.531	46.558.618.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		21.607.215.919	13.733.622.644
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.129.794.421	1.295.870.067
7. Chi phí tài chính	22		41.055.642	126.492.006
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.325.520.449	6.160.959.142
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		18.370.434.249	8.742.041.563
10. Thu nhập khác	31	26	309.767.646	221.697.661
11. Chi phí khác	32	26	393.573.989	293.241.523
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	26	(83.806.343)	(71.543.862)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.286.627.906	8.670.497.701
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	4.187.711.987	2.164.000.653
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(40.097.308)	(142.760.759)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51-52)	60		14.139.013.227	6.649.257.807
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.248	1.057



Tạ Hoàng Giang
Giám đốc
Đà Lạt, ngày 15 tháng 12 năm 2016

Nguyễn Vĩnh Bảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thắm
Người lập

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

Mẫu B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.286.627.906	8.670.497.701
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.816.884.528	4.852.914.016
- Các khoản dự phòng	03	(758.952.036)	126.492.006
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.004.932.436)	(881.068.842)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.339.627.962	12.768.834.881
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	609.306.082	2.501.669.939
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	7.766.172	(126.429.408)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.143.971.615)	1.035.606.728
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.492.519.655	(1.140.195.859)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.866.969.448)	(1.115.100.169)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	186.167.096
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(66.729.266)	(709.877.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.371.549.542	13.400.676.014
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.321.188.512)	(4.510.984.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	80.919.115	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.266.622.222)	28.360.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	(41.001.373.333)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.585.236.100	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.153.338.217	1.145.068.842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.768.317.302)	(16.007.289.219)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30)	50	(396.767.760)	(2.606.613.205)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.360.321.730	4.966.934.935
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	1.963.553.970	2.360.321.730



Tạ Hoàng Giang
Giám đốc

Đà Lạt, ngày 15 tháng 12 năm 2016

Nguyễn Vĩnh Bảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thắm
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Đà Lạt theo Quyết định số 4232/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của UBND tỉnh Lâm Đồng và được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4203000055, ngày 20/7/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, thay đổi lần thứ 11 ngày 29/3/2016 số 5800194459.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 là 59.132.500.000 đồng. Các cổ đông của Công ty bao gồm:

Tên cổ đông	Vốn góp đến 30/9/2016		Vốn góp đến 01/10/2015	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	11.759.790.000	19,89%	11.759.790.000	19,89%
Nguyễn Thanh Tâm	9.646.680.000	16,31%	9.646.680.000	16,31%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	9.303.870.000	15,73%	9.303.870.000	15,73%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn				
Nhà nước	6.086.850.000	10,29%	6.086.850.000	10,29%
Các cổ đông khác	22.335.310.000	37,77%	22.335.310.000	37,77%
Cộng	59.132.500.000	100%	59.132.500.000	100%

Tổng số nhân viên tại ngày 30/9/2016 là 160 người (tại ngày 01/10/2015 là 228 người).

Trụ sở chính của Công ty: Số 16, đường Trần Phú, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng) - Trung tâm Lữ hành Đà Lạt TSC.

Địa chỉ: Lầu 1, tòa nhà PVC, số 43 đường Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Các địa điểm kinh doanh

Tên

1. Best Western Dalat Plaza hotel

2. Thương xá La Tulipe

3. Khách sạn Thanh Bình

4. Số 2 Trần Hưng Đạo

5. Khu du lịch thác Cam Ly

6. Khách sạn Thanh Thế

7. Số 14 Hoàng Văn Thụ

8. Nhà nghỉ Hòa Bình

9. Khu du lịch thác Prenn

10. Số 151 Đường 3/2

11. Nhà nghỉ Mimosa

12. Nhà nghỉ Lâm Sơn

N
13. Khách sạn Cẩm Đô

14. Trung tâm lễ hành Đà Lạt TSC

Địa chỉ

Số 19 Lê Đại Hành, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 1 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 37 - 40 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 2 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 90 Hoàng Văn Thụ, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 90 - 122 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 14 Hoàng Văn Thụ, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 64 Trương Công Định, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Chân đèo Prenn QL20, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 151 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 170 Phan Đình Tùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 23 Hải Thượng, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 83 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số 7 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh gas, xăng, dầu;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khác bằng taxi, xe buýt, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách theo tuyến cố định;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Điều hành tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Đại lý du lịch;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công trình điện hạ thế;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán hàng lưu niệm cho khách du lịch;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Hoạt động vui chơi, giải trí.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng hóa. Mua bán thuốc lá nội, rượu các loại. Đại lý tiêu thụ xe gắn máy. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Kinh doanh massage, karaoke, đồ uống, rượu, bia. Thiết kế trang trí nội, ngoại thất. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Dịch vụ xuất khẩu lao động và du học tự túc. Dịch vụ bán vé máy bay. Dịch vụ chụp ảnh, phóng ảnh màu, mua bán thiết bị chụp ảnh, ngành ảnh. Chế biến nông sản, thực phẩm. Xây dựng kinh doanh lĩnh vực thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức nhật ký chung.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông
Thành viên chủ chốt

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Cây lâu năm, súc vật làm việc	05 – 25
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất lâu dài, phần mềm quản lý khách sạn được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng và có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí thực tế phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguồn vốn

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015 và thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30/9/2016, Công ty ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí kế toán của chi phí khấu hao tương ứng với giá trị hạng mục công trình giao nhà thầu thi công - Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh là 15.424.685.809 đồng (tương ứng với số tiền đã tạm ứng cho nhà thầu) nhưng chưa được nhà thầu quyết toán và xuất hóa đơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2016	01/10/2015
	VND	VND
Tiền mặt	94.214.210	669.924.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.869.339.760	1.690.397.458
Cộng	1.963.553.970	2.360.321.730

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/9/2016		01/10/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm				
Công ty Tài chính TNHH MTV NH Thịnh Vượng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	10.600.000.000	10.600.000.000	10.510.000.000	10.510.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Lâm Đồng	4.500.000.000	4.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	11.800.000.000	11.800.000.000	10.831.373.333	10.831.373.333
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam CN Đà Lạt	2.056.622.222	2.056.622.222	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Lâm Đồng	6.300.000.000	6.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Đà Lạt	4.100.000.000	4.100.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	44.356.622.222	44.356.622.222	26.641.373.333	26.641.373.333

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/9/2016	01/10/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Khách hàng của TTLH Dalat TSC HCM	490.506.000	22.615.000
Cao Hoàng Anh	422.079.958	165.129.458
Đinh Thị Mỹ Phượng	202.953.458	67.144.720
Nguyễn Văn Tiêu (Khách sạn Lâm Sơn)	383.278.127	48.812.325
Lê Văn Báo	263.936.089	110.454.688
Lê Văn Thành	119.459.910	103.023.905
Đinh Thị Thanh Hiền	70.693.000	133.390.000
Vietravel- HCM	-	199.680.000
Các đối tượng khác	763.613.886	1.067.306.063
Cộng	2.716.520.428	1.917.556.159

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/9/2016	01/10/2015
	VND	VND
Cao Hoàng Anh	288.841.484	315.700.266
Công ty Cổ phần Happytex Việt Nam	550.000.000	550.000.000
Các đối tượng khác	643.165.096	640.839.230
Cộng	1.482.006.580	1.506.539.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2016	01/10/2015
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.140.198.949	1.704.086.818
Trung Tâm Lữ hành Dalat TSC	469.817.563	555.403.608
Khoản phải thu từ dự án Bobla	506.071.875	371.304.415
Đinh Thị Mỹ Phượng	114.285.923	163.791.676
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	769.479.434	309.197.793
Tạm ứng	221.317.000	172.132.216
Phải thu về BHXH	6.687.861	62.800.514
Các khoản phải thu khác	52.539.293	69.456.596
b) Dài hạn	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Lâm Đồng	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	2.640.198.949	2.204.086.818

10. HÀNG TỒN KHO

	30/9/2016	01/10/2015
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	344.775.426	-
Hàng hóa	240.953.238	-
Cộng	585.728.664	593.494.836

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	30/9/2016	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	01/10/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế tài nguyên	1.031.040	-	-	1.031.040
Các loại thuế khác	4.927.253	4.927.253	-	-
Cộng	5.958.293	4.927.253	-	1.031.040
	30/9/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	01/10/2015
	VND	trong năm	trong năm	VND
	VND	VND	VND	VND
b) Các khoản phải trả				
Tiền thuê đất (*)	5.976.969.910	(306.485.560)	(2.771.119.495)	9.054.574.965
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	163.548.479	4.867.995.931	(4.858.883.177)	154.435.725
Thuế thu nhập cá nhân	81.785.235	198.519.678	(152.975.074)	36.240.631
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.419.581	77.601.400	(93.765.736)	28.583.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	343.405.520	4.187.711.987	(3.866.969.448)	22.662.981
Các loại thuế khác	2.664.148	98.034.794	(115.531.766)	20.161.120
Cộng	6.580.792.873	9.123.378.230	(11.859.244.696)	9.316.659.339

(*) Trong năm tài chính này, theo quyết định QĐ 2348/QĐ-CT ngày 24/6/2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, Công ty điều chỉnh giảm tiền thuê đất từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/9/2015 với số tiền là 1.914.335.379 đồng và ghi nhận tiền thuê đất từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/9/2016 với số tiền là 1.607.849.819 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật nuôi	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/10/2015	79.221.127.112	6.863.993.475	1.331.368.636	503.009.039	1.115.352.340	166.900.000	89.201.750.602
- Mua trong năm	-	91.041.818	-	-	-	-	91.041.818
- Đầu tư XD CB hoàn thành	809.098.883	-	-	-	-	-	809.098.883
- Thanh lý, nhượng bán	(562.715.545)	(46.908.382)	-	-	-	-	(609.623.927)
Tại ngày 30/9/2016	79.467.510.450	6.908.126.911	1.331.368.636	503.009.039	1.115.352.340	166.900.000	89.492.267.376
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/10/2015	31.606.292.496	4.819.582.247	492.170.104	436.261.807	285.615.670	150.663.882	37.790.586.206
- Khấu hao trong năm	4.032.793.708	469.282.932	183.996.768	33.861.650	65.310.848	16.236.118	4.801.482.024
- Thanh lý, nhượng bán	(302.413.154)	(30.155.382)	-	-	-	-	(332.568.536)
Tại ngày 30/9/2016	35.336.673.050	5.258.709.797	676.166.872	470.123.457	350.926.518	166.900.000	42.259.499.694
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/10/2015	47.614.834.616	2.044.411.228	839.198.532	66.747.232	829.736.670	16.236.118	51.411.164.396
Tại ngày 30/9/2016	44.130.837.400	1.649.417.114	655.201.764	32.885.582	764.425.822	-	47.232.767.682

Tại ngày 30/9/2016, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 11.205.701.187 đồng (tại ngày 01/10/2015 là 10.069.259.739 đồng).

Tại ngày 30/9/2016, giá trị còn lại của tài sản cố định tạm ngừng khấu hao do bị thu hồi theo quyết định ngày 30/8/2012 của UBND tỉnh Lâm Đồng là 1.015.831.775 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> <u>VND</u>	<u>Phần mềm máy tính</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/10/2015	5.250.115.000	154.025.000	5.404.140.000
Tại ngày 30/9/2016	5.250.115.000	154.025.000	5.404.140.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY			
Tại ngày 01/10/2015	-	68.027.697	68.027.697
- Khấu hao trong năm	-	15.402.504	15.402.504
Tại ngày 30/9/2016	-	83.430.201	83.430.201
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			-
Tại ngày 01/10/2015	5.250.115.000	85.997.303	5.336.112.303
Tại ngày 30/9/2016	5.250.115.000	70.594.799	5.320.709.799

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>30/9/2016</u> <u>VND</u>	<u>01/10/2015</u> <u>VND</u>
Công trình Khu du lịch thác Prenn	23.379.059.282	23.137.216.148
Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Bobla	2.231.382.609	2.231.382.609
Công trình Khu du lịch thác Cam Ly	1.091.155.968	1.091.155.968
Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Lilieng	200.273.273	200.273.273
Dự án Nhà Hoà An	-	10.909.091
Dự án Nhà 02 Trần Hưng Đạo	75.387.272	75.387.272
Dự án KS Phú Hòa	316.276.786	49.386.059
Cộng	27.293.535.190	26.795.710.420

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/9/2016</u> <u>VND</u>	<u>01/10/2015</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ Giải trí Tết	-	800.000.000
Cộng	-	800.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(758.952.036)
Cộng	-	41.047.964

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản góp vốn liên doanh để thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Giải trí Tết. Tại ngày 30/9/2016, Công ty đã sử dụng khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn để bù đắp cho toàn bộ tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Giải trí Tết trên cơ sở Ban Giám đốc Công ty xác định rằng Công ty Cổ phần Công nghệ Giải trí Tết đã tự giải thể, tuy nhiên Ban Giám đốc chưa thu thập được các bằng chứng pháp lý về việc giải thể này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/9/2016	01/10/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	440.733.565	616.990.997
Chi phí trả trước ngắn hạn	440.733.565	616.990.997
b) Dài hạn	1.733.827.230	3.027.466.237
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	66.259.678	180.345.603
Chi phí sửa chữa	407.449.826	1.144.661.187
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.260.117.726	1.702.459.447

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/9/2016	01/10/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Đinh Thị Mỹ Phượng	77.513.855	307.668.313
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghệ Thủy Lợi	103.647.400	103.647.400
Công ty TNHH Địa ốc Lộc An	49.948.050	49.948.050
Phải trả đối tượng khác	1.182.183.743	1.452.130.121
Cộng	1.413.293.048	1.913.393.884

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/9/2016	01/10/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.469.488.466	1.957.105.952
Kinh phí Công đoàn	58.588.508	24.776.478
Phải trả về cổ phần hóa	41.850.745	41.850.745
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	686.964.200	422.473.177
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.682.085.013	1.468.005.552
b) Dài hạn	4.655.660.592	4.239.986.000
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	4.655.660.592	4.239.986.000
Tổng cộng	8.125.149.058	6.197.091.952

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/10/2014	59.132.500.000	4.785.000.000	9.054.094.665	1.392.494.628	18.852.419.878	93.216.509.171
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.649.257.807	6.649.257.807
Phân phối lợi nhuận	-	-	19.517.345.659	-	(19.916.301.127)	(398.955.468)
Tăng khác	-	-	186.167.096	-	-	186.167.096
Phân loại lại	-	-	1.392.494.628	(1.392.494.628)	-	-
Số dư tại 01/10/2015	59.132.500.000	4.785.000.000	30.150.102.048	-	5.585.376.558	99.652.978.606
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.139.013.227	14.139.013.227
Trích lập quỹ (i)	-	-	1.413.901.323	-	(2.262.242.117)	(848.340.794)
Số dư tại 30/09/2016	59.132.500.000	4.785.000.000	31.564.003.371	-	17.462.147.668	112.943.651.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Công ty trích lập các quỹ theo Biên bản họp hội đồng quản trị phiên 4/2016 ngày 27/9/2016 với tỷ lệ trích như năm tài chính 2015:
- Trích quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền là 1.413.901.323 đồng;
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6% lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền là 848.340.794 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 29/3/2016, vốn điều lệ của Công ty là 59.132.500.000 đồng. Tại ngày 30/9/2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Vốn góp đến 30/9/2016		Vốn góp đến 01/10/2015	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	11.759.790.000	19,89%	11.759.790.000	19,89%
Nguyễn Thanh Tâm	9.646.680.000	16,31%	9.646.680.000	16,31%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	9.303.870.000	15,73%	9.303.870.000	15,73%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	6.086.850.000	10,29%	6.086.850.000	10,29%
Các cổ đông khác	22.335.310.000	37,77%	22.335.310.000	37,77%
Cộng	59.132.500.000	100%	59.132.500.000	100%

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/9/2016	01/10/2015
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.267.413.343	1.235.728.907

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.722.362.899	3.752.482.023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.399.859.951	56.615.587.549
Cộng	66.122.222.850	60.368.069.572
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(77.601.400)</i>	<i>(75.828.672)</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.044.621.450	60.292.240.900

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	3.609.477.754	2.582.557.666
Giá vốn cung cấp dịch vụ	40.827.927.777	43.976.060.590
Cộng	44.437.405.531	46.558.618.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.197.062.519	11.395.097.182
Chi phí nhân công	16.240.089.028	19.128.400.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.816.884.528	4.852.914.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.837.055.272	10.867.182.966
Chi phí khác bằng tiền	8.262.221.679	6.475.983.079
Cộng	49.353.313.026	52.719.577.398

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.941.458.598	1.145.068.842
Lãi thu do nộp chậm tiền thuê mặt bằng	188.335.183	150.761.355
Doanh thu tài chính khác	640	39.870
Cộng	2.129.794.421	1.295.870.067

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.973.457.886	4.422.620.816
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.642.885	83.314.615
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.720.006	7.266.672
Thuế, phí và lệ phí	35.126.202	35.972.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.719.660	232.671.265
Các khoản chi phí QLDN khác	2.071.853.810	1.379.112.866
Cộng	5.325.520.449	6.160.959.142

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định, CCDC	76.161.818	-
Thu khác	233.605.828	221.697.661
Thu nhập khác	309.767.646	221.697.661
Giá trị còn lại của tài sản cố định, CCDC đã thanh lý	327.917.698	264.000.000
Chi khác	65.656.291	29.241.523
Chi phí khác	393.573.989	293.241.523
Lợi nhuận khác	(83.806.343)	(71.543.862)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.286.627.906	8.670.497.701
Cộng: Chi phí không được trừ	1.207.403.563	1.165.868.904
Thu nhập chịu thuế	19.494.031.469	9.836.366.605
Thu nhập chịu thuế suất 22%	7.190.405.319	9.836.366.605
Thu nhập chịu thuế suất 20%	12.194.266.848	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.020.742.540	2.164.000.653
Chi phí thuế TNDN hiện hành theo kiểm toán nhà nước cho khoản đầu tư vào Công ty CP Công nghệ Giải trí Tết	166.969.448	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.187.711.987	2.164.000.653

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ 01/10/2014 đến 30/9/2015 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.139.013.227	6.649.257.807
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(848.340.794)	(398.955.468)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.290.672.433	6.250.302.339
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.913.250	5.913.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.248	1.057
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được trích theo Biên bản họp hội đồng quản trị phiên 4/2016 ngày 27/9/2016 với tỷ lệ trích là 6% trên lợi nhuận sau thuế năm 2016.

29. CÁC KHOẢN CHI PHÍ TIỀM TÀNG

Liên quan đến việc thu hồi dự án tại Khu du lịch thác Bobla và Khu du lịch thác Lilieng, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có quyết định về việc thu hồi dự án tại hai khu du lịch này và dự án công trình thủy điện Bobla vào năm 2012. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa bàn giao lại dự án này cho các cơ quan chức năng. Tại ngày 30/9/2016, giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang của hai dự án này là 3.447.487.657 đồng. Khi Công ty bị thu hồi lại dự án thì sẽ được đền bù theo thỏa thuận giữa Công ty và các bên có liên quan và giá trị xây dựng dở dang của dự án sẽ phải ghi nhận vào chi phí. Ngày 12/11/2013, đại diện Công ty, UBND huyện Di Linh và bên nhận lại dự án đã họp bàn, xử lý tài sản, tính toán giá trị đền bù, bồi thường tài sản tại khu vực Khu du lịch thác Bobla. Tuy nhiên, chưa có kết luận cuối cùng về giá trị đền bù, bồi thường tài sản tại khu vực Khu du lịch thác Bobla.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm tài chính này, theo quyết định QĐ 2348/QĐ-CT ngày 24/6/2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng thì Công ty thực hiện ghi nhận điều chỉnh giảm tiền thuê đất từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/9/2015 với số tiền là 1.914.335.379 đồng và ghi nhận tiền thuê đất từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/9/2016 với số tiền là 1.607.849.819 đồng. Đây là tiền thuê đất tại các địa điểm kinh doanh của Công ty và Khu du lịch thác Cam Ly.

31. THÔNG TIN KHÁC

Liên quan đến việc quyết toán công trình khách sạn Đà Lạt Plaza với Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh, ngày 5/11/2013, Công ty đã có công văn thông báo cho Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh về việc sẽ nộp đơn khởi kiện ra tòa án tỉnh Lâm Đồng nếu không nhận được hóa đơn giá trị gia tăng, bản quyết toán và hồ sơ hoàn công trước ngày 28/11/2013. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để khởi kiện Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

33. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<u>Từ 01/10/2015</u> <u>đến 30/9/2016</u>	<u>Từ 01/10/2014</u> <u>đến 30/9/2015</u>
	VND	VND
Tiền lương	841.666.023	929.077.569
Thù lao	424.170.397	232.724.022
Cộng	1.265.836.420	1.161.801.591

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 43.580.000 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	01/10/2015	01/10/2015	Chênh lệch
		<u>Đã kiểm toán</u>	<u>Trình bày lại</u>	
Tài sản ngắn hạn khác	155	172.132.216	-	172.132.216
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.531.954.602	1.704.086.818	(172.132.216)
Tài sản dài hạn khác	268	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	-	500.000.000	(500.000.000)



Tạ Hoàng Giang
Giám đốc

Đà Lạt, ngày 15 tháng 12 năm 2016

Nguyễn Vĩnh Bảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thắm
Người lập